

## CUỘC NỔI DẬY CỦA TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ Ở CHUDRON (GIA LAI) NĂM 1958

LÊ CUNG\*

Trên cơ sở, những tư liệu mới phát hiện được, bài viết này giới thiệu một số nét về cuộc nổi dậy của tù nhân chính trị ở Chudron (Gia Lai) năm 1958, nhằm góp phần hiểu thêm về cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, về chủ trương, đường lối của Đảng trong cách mạng miền Nam.

Âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam nước ta thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á, ngay sau Hiệp định Giơnevê, ở miền Nam, Mỹ - Diệm đã tập trung toàn bộ binh lực vào việc đánh phá phong trào cách mạng, khủng bố những người kháng chiến, những người yêu nước nhằm khuất phục ý chí đấu tranh của nhân dân ta vì sự nghiệp độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, mà điển hình nhất là các chiến dịch "Tố cộng, diệt cộng".

Đợt I chiến dịch "Tố cộng, diệt cộng" bắt đầu từ tháng 5-1955 và đợt II tiến hành từ tháng 7-1956. Qua hai đợt, phong trào cách mạng miền Nam chịu nhiều tổn thất lớn. Số cán bộ, đảng viên của ta một phần bị địch giết hại, một phần bị địch đưa đi cầm tù hoặc vào các trại giam khắp miền Nam dưới nhiều hình thức khác nhau, trong đó có "Công trường Chudron" ở Gia Lai.

Theo tài liệu của địch "tổng số chính trị phạm giam giữ tại Quân khu 3 có trên 600 người. Trừ 94 người tình nguyện đi lập nghiệp tại Dinh điền Tân Lạc (Pleiku), tọa độ ZA-III/389, số còn lại, hạng nguy hiểm thì được giữ tại Trung tâm Huấn chính Pleiku và Phú Thạnh (Bình Định), hạng ít nguy hiểm thì được đưa đi phục dịch tại các công trường An Khê, Dakto và Chudron... Riêng công trường Chudron gồm có 93 chính trị phạm phục dịch để xây đắp phi trường" (1). Phi trường này địch khởi công từ ngày 5-2-1958.

Hầu hết số tù nhân chính trị lao dịch khổ sai tại Chudron đều là người Nam Bộ, chủ yếu là ở Kiến Hoà và Định Tường (Bến Tre và Tiền Giang hiện nay) (2). Điều này cho thấy đối với tù nhân chính trị, dù cầm tù hoặc lao dịch khổ sai, địch đã chuyển vùng nhằm cô lập họ đối với quần chúng cơ sở, với gia đình, thủ tiêu điều kiện liên lạc với bên ngoài hòng nhanh chóng đè bẹp ý chí đấu tranh của họ. Thư của tù nhân chính trị gửi Chính quyền Sài Gòn cũng đã khẳng định điều này: "Lúc ở tỉnh nhà đã 2, 3 lần Chánh phủ hứa trả tự do cho chúng tôi về với gia đình nhưng cũng bỏ qua. Đến lượt lưu đây chúng tôi ra Pleiku, một nơi

\*PGS-TS. Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

*cách xa làng mạc, ruộng vườn, gia đình chúng tôi hàng ngàn cây số*" (3). Mặt khác, số người bị dịch tập trung đưa đi khổ sai phục dịch phần lớn là những người đang độ sung sức, có khả năng lao động. Trong số 93 tù chính trị ở Chudron thì số người từ 18 đến 39 tuổi chiếm 85% (độ tuổi từ 18 đến 19: 6 người; từ 20 đến 29: 38 người; từ 30 đến 39: 35 người; từ 40 đến 49: 12 người; từ 50 đến 55: 2 người). Âm mưu thâm độc của địch là nhằm lấy đi sức bật của lực lượng cách mạng địa phương; Đồng thời đáp ứng cho việc lao động phục dịch của chúng.

Tất cả tù nhân chính trị ở Chudron đều là những người đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp, góp phần giành độc lập cho Tổ quốc. Thư gửi viên Đại tá Tư lệnh Quân khu III của Chính quyền Sài Gòn (Đỗ Cao Trí) viết: *"Chúng tôi tất cả trước kia đều không ai chột cãi là những người đều đứng lên chống đế quốc Pháp, một việc làm hết sức vĩ đại, thiêng liêng cao cả, vinh dự, suốt mười năm đã chịu đựng biết bao nhiêu là gian lao, nguy hiểm, cũng không làm sờn lòng chúng tôi. Vì sao? Vì chúng tôi là những người con dân chỉ biết giác ngộ "nhiệm vụ cứu nước" tâm trí luôn luôn phụng thờ non sông Tổ quốc... Đến giai đoạn này dù muốn dù không, lịch sử đã ghi công cho việc làm vinh dự đó. Dù ai có muốn phủ nhận hay xuyên tạc cũng không thể được, vì thực tế hiển nhiên vừa diễn ra chớ đâu phải là giác mộng. Nhân dân rất sáng suốt có thể nói là toàn thể đồng bào, họ cũng cùng chúng tôi sát cánh chiến đấu vừa qua"* (4).

Trong bức thư nói trên, các tù nhân chính trị đã tố cáo Chính quyền Sài Gòn phản bội lại lợi ích dân tộc khi bắt bớ giam cầm họ dài ngày, tra tấn họ, đưa đi cầm tù rồi lao dịch khổ sai: *"Hiện giờ đây chúng tôi*

*lại bị Chánh phủ Quốc gia bắt cầm tù, đau đớn làm sao! Ai có ngờ đâu? Bây giờ giữa lúc non sông phong yên đã vắng lặng, súng đạn đã ngừng bật, non sông an lạc thanh bình. Những người dân của đất nước như chúng tôi chẳng hạn lại không được hưởng phần nhỏ nào sự nghiệp hạnh phúc do chúng tôi đóng góp vào để tạo nên. Ở không đến bù mà trái ngược lại khổ vào thân, biết bao nhiêu cực hình đoạ đày suốt 2, 3 năm trong gông cùm xiềng xích của Chánh phủ Quốc gia"* (5); Đồng thời vạch trần sự hà khắc, nghiệt ngã của chính sách lao động khổ sai mà Chính quyền Sài Gòn đã áp dụng đối với họ ở công trường Chudron, đẩy họ đến một tình cảnh hết sức bi đát: *"Công việc tạp dịch hàng ngày từ sớm đến chiều, mưa cũng như nắng, mùa rét hay mùa hè, với áo quần rách tả tơi bẩn thỉu, dở sống dở chết, tất cả chúng tôi đều phải nai lưng ra làm, làm để rồi mỗi ngày hưởng hai bữa cơm giá 6\$20 với sự đắt đỏ của Cao nguyên Pleiku, mắc bệnh hoạn, mặc khổ nhọc, rách rưới. Chánh phủ chỉ đòi hỏi vợ vét lúc tàn lực chúng tôi được phần nào hay phần ấy.*

*Suốt 6 tháng nay, ban đêm lại chịu phải đi làm... nghĩa là làm mỗi ngày một phạm nhân của Chánh phủ cộng giờ phải đi làm 18 tiếng đồng hồ.*

*Riêng về số người chúng tôi được đưa lên Cuty, nơi nước độc rừng thiêng, công việc nặng nề, đau ốm hàng ngày càng thêm nhiều, thuốc men chạy chữa không có. Với bao nhiêu hiểm họa đoạ tàn tệ trên, thử hỏi sức mạnh nào không ngã gục, sinh lực nào không sụp đổ, cuộc đời chúng tôi rất đen tối, tương lai mù mịt và rồi đây nó tàn tệ và chết dần mòn trong lao xá của Chánh phủ"* (6).

Dù cho thời gian bị cầm tù kéo dài nhiều năm, bị tra tấn rồi đưa đi lao dịch khổ sai,

các tù nhân chính trị vẫn kiên định lập trường, giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Chính cơ quan an ninh địch cũng phải thừa nhận điều này: "*Theo các cơ quan có phận sự theo dõi hành vi và tư tưởng các phạm nhân, bị giam giữ tại các Trung tâm Huấn chính cũng như đang phục dịch tại các công trường, đều có dấu óc thiên cộng, không có tinh thần tự giác. Chúng nhất quyết chờ ngày mãn hạn tù, làm ngơ giả điếc trước mọi lời khuyên dụ và cảnh giác của nhà chức trách có phận sự uốn nắn tư tưởng họ*" (7).

Những dòng tư liệu ở trên giúp chúng ta nắm được đâu là nguyên nhân dẫn đến cuộc nổi dậy của tù nhân chính trị ở Chudron. Tuy nhiên, để có một cái nhìn chân xác từ phía các tù nhân chính trị, xin dẫn ra đây ba nguyên nhân chủ yếu thúc bách họ nổi dậy tự giải phóng mình, đã được nêu trong bức thư của họ gửi đại diện Chính quyền Sài Gòn ở Quân khu 3:

"1. Về tư tưởng, chúng tôi xét thấy rằng: Chúng tôi là những người chánh đáng, những người có công với Tổ quốc mà không được hưởng, trái lại còn bị bạc đãi ê chề. Như vậy là bất công, trái với lẽ phải.

2. Về tương lai, thấy rằng ngày về của chúng tôi rất xa xôi vô định, mà không còn tin tưởng vào sự giải quyết của Chính phủ nữa, vì Chính phủ đã có bao lần hứa hẹn suông.

3. Về vật chất, sinh lực chúng tôi đã kiệt quệ, mỗi mòn, đang đi dần vào cõi chết mà Chính phủ không bao giờ nghĩ đến chúng tôi bằng một tình ân ái, trái lại Chính phủ muốn tiêu diệt lần mòn chúng tôi" (8).

Và để đảm bảo cho cuộc nổi dậy đạt kết quả, họ khẳng định: "*Chúng tôi buộc lòng phải cướp vũ khí, súng ống của Đại tá. Nhưng thật ra chúng tôi không muốn.*

*Nhưng vì đó là tự vệ để bảo toàn sanh mạng cho anh em chúng tôi*" (9).

Theo hồ sơ (mật và thượng khẩn) của địch thì thành phần Ban chỉ huy công trường Chudron gồm 2 sĩ quan cấp úy, 4 hạ sĩ quan và 29 binh sĩ. Tổng cộng là 35 người. Vũ khí được trang bị đầy đủ, gồm 2 trung liên BAR, 2 carbines, 11 tiểu liên Thompson, 16 Grant MI, 2 súng lục Colt II 45, 1 máy truyền tin SCR 694, 2 chiếc GMC, 1 Citerne đựng nước. Trại giam được bố trí 4 vọng gác ở 4 góc, một trưởng toán thường trực thay phiên kiểm soát mỗi lần hai giờ, từng tốp người lao động phục dịch có binh sĩ đi kèm giám sát.

Mặc dầu địch canh gác cẩn mật, song các tù nhân chính trị trong kế hoạch nổi dậy đã liên hệ được với lực lượng vũ trang cách mạng bên ngoài và trên thực tế cuộc nổi dậy diễn ra có sự hợp đồng chặt chẽ giữa lực lượng bên trong và bên ngoài. Công văn số 795 - VP/PK/M ngày 12-6-1958 của Tỉnh trưởng Pleiku gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống đã tường thuật về cuộc nổi dậy của tù nhân chính trị ở Chudron ngày 7-6-1958, như sau: "*Trong lúc phạm nhân đang làm việc dưới sự canh gác của binh sĩ, thì bỗng vào khoảng 16h30, một tiếng súng lệnh nổ từ bìa rừng... Ngay khi đó, chừng 100 phiến loạn (?) xuất hiện từ bìa rừng xông vào tước khí giới và bắt trói 11 binh sĩ có nhiệm vụ canh gác tại các vị trí 4 và 5. Chúng thi hành thủ đoạn này được nhanh chóng là nhờ có sự trợ giúp của các phạm nhân.*

Cùng lúc ấy, ở vị trí 6, 15 phạm nhân ở gần nhà bếp cũng xông vào tước khí giới của binh sĩ canh gác. Nhưng hai binh sĩ còn khí giới đã bắn chết được một phạm nhân tên là Võ Văn Ngân.

Sau khi thanh toán xong các toán lính gác ở vị trí 4, 5, 6, các phiến loạn nhờ sự

hướng dẫn của phạm nhân, chia ra làm nhiều toán, tiến nhanh về phía Văn phòng và các căn lều của binh sĩ. Các nơi này cũng có kháng cự, nhưng trước sự đàn áp đông đảo của đối phương, nên sau đều thúc thủ qui hàng. Ngoài ra, một số binh sĩ thấy tình thế nguy ngập, vội vàng mang súng chạy trốn vào rừng" (10).

Số sĩ quan và binh sĩ nguy bị ta bắt giữ là 18 người. Để đảm bảo an toàn cho cuộc rút lui, các sĩ quan và binh sĩ bị lực lượng ta trói mỗi người vào một gốc cây. Theo tài liệu của địch thì "tuy bị trói nhưng không ai bị ngược đãi". Một đại diện của ta tuyên bố: "Chính phủ Quốc gia không còn nữa đâu, nay mai chúng tôi sẽ đánh lấy tất cả; có ngày chúng tôi sẽ cho Đỗ Cao Trí, Quân khu 3 nằm đất. Từ nay, hễ chừng nào chúng tôi bảo mấy anh đi thì phải nghe lời chúng tôi nếu không thì chết" (11). Và sau đó tất cả số tù nhân và lực lượng vũ trang của ta rút lui.

Kể từ khi có tiếng súng lệnh nổ đến khi lực lượng ta làm chủ tình thế, chỉ diễn ra trong vòng 20 phút. Kết quả, về vũ khí ta thu được 2 trung liên BAR, 2 carbines, 8 tiểu liên Thompson, 10 Grant MI, 1 súng lục Colt II, 45 của địch. Trong số 93 tù chính trị, thì có 91 người được giải thoát ra vùng tự do, 1 người là Nguyễn Văn Bảy bị bắt trở lại, 1 người là Võ Văn Ngân hy sinh (12).

Sau đó, địch cho lực lượng tiếp viện và tiếp theo huy động tới hơn 200 quân mở cuộc hành quân càn quét trên một diện rộng suốt dọc biên giới Việt - Campuchia, phía Nam Quốc lộ 19 nối dài cho tới vùng giáp ranh Quân khu 3 nguy, nhưng không thu được một kết quả nào, lực lượng của ta đã thoát sang lãnh thổ Campuchia. Theo tài liệu của địch cho biết: "Theo những dấu vết, như dấu chân, quần áo cũ bỏ rơi

dọc đường, thì được biết chúng rút lui về hướng Nam đến Girao-M'Nou (YA-818-190) thì mất dạng. Ngoài ra đồng bào Thượng cho biết hồi 8 giờ sáng ngày 8-6-1958 chúng đã qua làng Plei-Lao-Tchin (tọa độ YA 800-083) và vượt biên giới" (13). Điều này cũng hợp với kế hoạch nổi dậy của tù nhân chính trị, khi trong thư gửi Tư lệnh Quân khu 3 nguy, họ viết rằng: "Khi Đại tá đang xem thư này chắc hẳn chúng tôi sẽ được an toàn trên lãnh thổ Cambodge và theo chúng tôi hiểu đó là một nước trung lập, hay cũng có thể nói họ nghiêng về phe dân chủ hơn. Chúng tôi tin tưởng một cách tuyệt đối như thế nên quyết định rõ ràng là vượt ngục" (14).

\*

Thắng lợi của cuộc nổi dậy của tù nhân chính trị ở Chudron bao gồm nhiều yếu tố, như về sự phối hợp nhịp nhàng chặt chẽ giữa lực lượng bên trong và bên ngoài: "Khi nghe tiếng súng lệnh nổ, thì đã thấy họ ồ ạt tràn vào công trường rồi" (15), "cùng lúc ấy, ở vị trí 6, 15 phạm nhân ở gần nhà bếp cũng xông vào tước khí giới của binh sĩ canh gác" (16); Về bí mật trong tổ chức hành động. Địch thú nhận: "Vụ bạo động này phải được các chính trị phạm chuẩn bị chu đáo từ lâu: Lá thư ngỏ của các phạm nhân gửi Đại tá, Tư lệnh Quân khu 3 đã chứng tỏ việc này" (17); Về nắm bắt tình hình địch: "Việc thực hiện giai đoạn I công cuộc xây đập phi trường đã hoàn tất nên Ban Chỉ huy công trường đã nhận được chỉ thị của Thượng cấp rút tất cả quân số về đơn vị kể từ ngày 9-6-1958.

Có lẽ trong việc chuẩn bị rút quân này có chỗ sơ hở nào chăng, khiến các phạm nhân biết chúng sắp phải điều động đi nơi khác, và như thế chúng sẽ mất liên lạc với bên ngoài, nên chúng vội tính việc bạo động để hòng thoát khỏi vòng kim tỏa lao lý" (18);

Và yếu tố quan trọng nhất là việc sử dụng vũ khí tự vệ: "*Chúng tôi buộc lòng phải cướp vũ khí, súng ống của Đại tá. Nhưng thật ra chúng tôi không muốn. Nhưng vì đó là tự vệ để bảo toàn sinh mạng cho anh em chúng tôi*" (19).

## CHÚ THÍCH

(1). Công văn số 795 - VP/PK/M ngày 12-6-1958 của Tỉnh trưởng Pleiku gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 1-2.

(2). Trong bản danh sách chính trị phạm do địch lập có kê rõ tên họ, tuổi, tên cha mẹ và nguyên quán.

(3). Thư của 93 tù nhân chính trị ở công trường Chudron gửi Đại tá Tư lệnh Quân khu 3. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 2.

(4), (5). Thư của 93 tù nhân chính trị ở công trường Chudron gửi Đại tá Tư lệnh Quân khu 3. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 1.

(6). Thư của 93 tù nhân chính trị ở công trường Chudron gửi Đại tá Tư lệnh Quân khu 3. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 2.

(7). Công văn số 795 - VP/PK/M ngày 12-6-1958 của Tỉnh trưởng Pleiku gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 2.

(8), (9). Thư của 93 tù nhân chính trị ở công trường Chudron gửi Đại tá Tư lệnh Quân khu 3. Tlđđ, tr. 2-3, 3.

Cuộc nổi dậy của tù nhân chính trị ở Chudron là một đòn giáng mạnh vào chính sách đàn áp khủng bố điên cuồng của Mỹ - Diệm, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm trên toàn miền Nam.

(10), (11). Công văn số 795 - VP/PK/M ngày 12-6-1958 của Tỉnh trưởng Pleiku gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 3-4.

(12). Hiện nay ở quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có đường phố Võ Văn Ngân (trước mặt Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật).

(13). Công văn số 795 - VP/PK/M ngày 12-6-1958 của Tỉnh trưởng Pleiku gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 5.

(14). Thư của 93 tù nhân chính trị ở công trường Chudron gửi Đại tá Tư lệnh Quân khu 3. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 1.

(15), (16), (17). Công văn số 795 - VP/PK/M ngày 12-6-1958 của Tỉnh trưởng Pleiku gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 4, 3, 6, 7, 3.

(18), (19). Công văn số 795 - VP/PK/M ngày 12-6-1958 của Tỉnh trưởng Pleiku gửi Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH-5447, tr. 7, 3.